

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026
ĐỘ TUỔI 4- 5 TUỔI

Mục tiêu giáo dục		Nội dung	Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh. Bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
a) Phát triển vận động				
1	- Chiều cao cân nặng trẻ cần đạt cuối độ tuổi	- Cân nặng : Trẻ trai : 12,7-21,2kg ; Trẻ gái : 12,3 – 21,5 kg - Chiều cao : Trẻ trai : 94,4–119,7cm - Trẻ gái : 94,1 – 111,3cm	9	
2	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh	- Hô hấp: Hít vào thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Ngồi cúi người về trước, ngửa ra sau. + Ngồi quay sang trái, sang phải. - Chân: + Đứng 1 chân đưa lên trước, khụy gối. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, 1 chân nâng cao - gập gối. + Đứng, nhún chân, khụy gối	1->9	
3	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Trẻ đi bước lùi liên tiếp được khoảng 3m.	- Đi bằng gót chân, đi khụy gối, đi lùi. - Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.	1,2,3, 6	
4	Trẻ kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc).	- Đi, chạy dích dắc (Đổi hướng) theo vật chuẩn. - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.	4,5,8	

5	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Trẻ biết ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). -Trẻ tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	- Tung bóng lên cao và bắt. - Tung bắt bóng với người đối diện. - Đập và bắt bóng tại chỗ. - Ném trúng đích bằng 1 tay (Đích đứng)	1,3,5,7	
6	Trẻ thể hiện được sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	- Chạy 15m trong khoảng 10 giây - Chạy chậm 60-80m. - Ném trúng đích bằng 1 tay (Đích ngang) - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân. - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. -Bò đích dắc qua 5 điểm. - Bò chui qua ống dài 1,2x0,6 m. - Trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm. - Trèo lên, xuống 5 giống thang. - Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35- 40 cm. - Bật nhảy từ trên cao xuống 30-35 cm. - Bật tách, khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10 - 15 cm - Nhảy lò cò 3m - Trườn theo hướng thẳng. - Bò thấp chui qua cổng.	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
7	Trẻ thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón tay.	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi....	1,7	
8	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10-12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	- Gập giấy. - Lắp ghép hình.. - Xé, cắt đường thẳng - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây	2,3,4,5,6	

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
9	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng)	2, 5, 6	
	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn (một số món ăn của dân tộc Thái...)	2	
	Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)	2,5,6	
10	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Trẻ tự thay được quần, áo khi bị ướt, bẩn.	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Thay quần áo khi bị bẩn - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	2,4	
	- Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Tập cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	1,2	
11	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Trẻ biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Trẻ chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.	Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.	6	
12	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh và đặc biệt dịch bệnh khi được nhắc nhở: - Biết vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. Cách mặc trang phục thái, xá... - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, ho, sốt, đau họng và cách phòng tránh đơn giản. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.	2	

13	Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không đến gần. biết không nên nghịch các vật sắc nhọn.	Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng	3,4,6	
	Trẻ nhận ra những nơi như: Hồ, ao, mương nước,suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng.	7,8	
	Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cưỡi đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ...(không uống rượu bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng.	6	
	Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ	3,8	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
a) Khám phá khoa học				
14	Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	1,2,5 6, 7, 8	
	Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị úớt?....	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - Một số hiện tượng thời tiết theo		

	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. Một số hiện tượng thời tiết đặc trưng của địa phương theo mùa. Biểu hiện, nguyên nhân cơ bản của biến đổi khí hậu, ảnh hưởng cơ bản của biến đổi khí hậu với con người và động thực vật, các loại thiên tai thường xảy ra ở Việt Nam. Dấu hiệu đặc trưng của từng loại thiên tai, nguyên nhân và một số hậu quả cơ bản của thiên tai thường xảy ra ở địa phương, cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. bảo vệ rừng... - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.		
15	Trẻ có thể làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	8	
16	Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự giống nhau và khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa quả.	1,5,6	
	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu. Trẻ có khả năng tiếp cận công nghệ số thông qua trò chơi trên phần mềm kidmast trẻ khám phá	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. Đồ dùng gia đình người Thái, Khơ mú... Ngôi nhà khoa học của SamMy	1,3,5,6,7	

	thế giới động vật, thực vật và các hiện tượng tự nhiên			
17	Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. mưa đá, động đất, lở, hạn hán...). Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. mưa đá, động đất, lở, hạn hán...).	1,5,6,7,8	
18	Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.			
19	Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục của hoạt động vui chơi, âm nhạc, tạo hình.	2,3,4	
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán				
20	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Xếp tương ứng 1-1; ghép đôi - Nhận biết số 1,2,3,4,5, đếm số lượng trong phạm vi 10 bằng tiếng anh. - Đếm các thành viên trong gia đình - Đếm số lượng các con vật.	1, 2, 3,4,5, 6,7,8, 9	
	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. <i>Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 bằng tiếng anh</i>			
	Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.			
	Trẻ có thể sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.		
21	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm	1,2,3,5	
	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.		
22	Trẻ nhận biết được ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (Số nhà, biển số xe...)	7	

23	Trẻ nhận ra được quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	6	
24	Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.	6,8	
25	Trẻ có thể chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	3,4	
	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	- Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	3,7	
26	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. Trẻ có khả năng tiếp cận công nghệ số thông qua trò chơi trên phần mềm kidmast cung cấp cho bé nền tảng học toán và tư duy vững chắc qua những trò chơi sinh động	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái). - Ngôi nhà toán học của Mille	2,9	
27	Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày. Trẻ có khả năng tiếp cận công nghệ số thông qua trò chơi trên phần mềm kidmast biết sự thay đổi của thời gian.	Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối. - Ngôi nhà không gian và thời gian của TruyDy	8	
c, Khám phá xã hội				
28	Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.	2	
	Trẻ có thể nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.	3	

	Nói địa chỉ của gia đình (Số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi trò chuyện.	(gia đình dân tộc Thái, K'mú, một số đồ dùng trong gia đình người dân tộc Thái, K'mú).		
29	Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên địa chỉ của trường, lớp. tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường, điểm trường.	1	
	Trẻ nói được tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.			
	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.			
30	Trẻ kể được tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương: đan lát, dệt thổ cẩm...	4	
31	Trẻ kể được tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương, ngày 7/5, lễ hội hoa ban, di tích Hận thù Noong Nhai, đồi A1, bảo tàng chiến thắng ĐBP...	1,3,7,9	
	Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.			
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
a) Nghe hiểu lời nói				
32	Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	- Hiểu và làm theo được 2,3 yêu cầu. - Hiểu và làm theo được 2,3 yêu cầu bằng tiếng anh	2,7,9	
	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - <i>Nghe hiểu về 1 số loại quả, số, số lượng khi được hỏi bằng tiếng anh.</i> - <i>Trẻ nghe và trả lời 1 số đồ vật trong lớp học bằng tiếng anh.</i>	1,2,3,4,5,6,7,8,9	

		- Trẻ chỉ, nói tên và màu sắc, hình dạng các đồ vật bằng tiếng anh. - Trẻ nghe, hiểu và trả lời được câu hỏi về bộ phận cơ thể, màu sắc, hình học bằng tiếng anh. - Trẻ nghe, hiểu và trả lời được câu hỏi về con vật, số và hình bằng tiếng anh. - Trẻ tìm và nói được trang phục Trẻ trả lời được màu sắc của trang phục bằng tiếng anh.		
	Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. <i>Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại bằng tiếng anh.</i>	- Nghe hiểu nội dung các câu phức. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Trẻ biết cách chào hỏi, tạm biệt - Trẻ nhận biết màu sắc. Trả lời câu hỏi về màu sắc bằng tiếng anh. - Trẻ biết giới thiệu tên mình, trường học của mình bằng tiếng anh. - Trẻ biết gọi tên 1 số bộ phận trên cơ thể bằng tiếng anh. - Trẻ nhớ và phát âm đúng các bộ phận. - Nghe, hiểu câu chuyện ngắn trong chủ đề bằng Tiếng Anh và trả lời câu hỏi đơn giản.	1,2,8	
b) Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày				
33	Trẻ có thể nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó	4	
	Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... <i>Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm bằng tiếng anh.</i>	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép: <i>Hélo, tạm biệt bằng tiếng anh</i> - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? Khi nào? Để làm gì? Tăng cường tiếng Việt - Trẻ nhận biết màu sắc. Trả lời câu hỏi về màu sắc bằng tiếng anh.	1,2,3, 6,7	

		- Trẻ giới thiệu tên, biết gọi tên 1 số bộ phận trên cơ thể bằng tiếng anh. - Trẻ chỉ, nói tên và màu sắc, hình dạng các đồ vật bằng tiếng anh. - Trẻ biết nói một số thành viên trong gia đình bằng tiếng anh. - Trẻ biết gọi tên trang phục, món ăn, đặc trưng ngày tết bằng tiếng Anh. - Trẻ chỉ và nói được tên một số phương tiện nghe và tìm phương tiện trên tranh bằng tiếng anh. - Nói được cảm xúc, nêu tên các phương tiện giao thông bằng tiếng anh.		
	Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định. Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép bằng tiếng anh.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. - Trẻ hiểu và nói được về cảm xúc Nhìn tranh và trả lời được câu hỏi: Happy or sad? (Vui hay buồn) - I'm happy (tôi vui) / I'm sad (tôi buồn) bằng tiếng anh.	2, 3,5,7	
34	Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết	7	
35	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9	
36	Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại truyện đã được nghe - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.	1,3,4, 5,8,9	
	Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện	Đóng kịch: Đóng vai 1 số con vật trong chuyện: Cáo thỏ và gà trống	5	
37	Trẻ biết sử dụng các từ như: "mời cô", "mời bạn", "cảm ơn", "xin lỗi"...trong giao tiếp.	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	1	
38	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở	Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	9	
	- Trẻ có khả năng tiếp cận công nghệ số thông qua trò chơi trên	- Ngôi nhà văn học, chữ viết	2->9	

	phần mềm kidmast giúp bé làm quen với bảng chữ cái, học phát âm, nhận mặt chữ cái và mở rộng vốn từ qua các trò chơi, câu chuyện thú vị.	HapPyKid		
c) Làm quen với đọc viết				
39	Trẻ biết chọn sách để xem.	- “Đọc” truyện qua các tranh vẽ	1,4,7,8	
40	Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.	2	
	<i>Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh bằng tiếng anh.</i>	- Giữ gìn, bảo vệ sách - Nhìn tranh và nói tên các thành viên trong gia đình bạn Amanda bằng tiếng anh.		
41	Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa “đọc vẹt”.	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Giữ gìn, bảo vệ sách - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.	5,7,8,9	
42	Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...) - Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.	3,6,7	
43	Trẻ biết nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...			
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội				
44	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ. <i>Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ bằng tiếng anh.</i>	Tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ - Giới thiệu Tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ bằng tiếng anh..	2	
	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. <i>Trẻ nói được điều bé thích, không thích</i>	Sở thích, khả năng của bản thân <i>Nói được điều bé thích, không thích: Có/không bằng tiếng anh</i>	2	

45	Trẻ biết thể hiện sự tự tin: biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	4	
	Trẻ biết thể hiện sự tự lực: biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)	5-9	
46	Trẻ nhận biết được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh	2	
	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên	Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.		
47	Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	Kính yêu Bác Hồ	9	
	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ.			
48	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước (Di tích: Noong Nhai, đồi A1, bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ. Lễ hội hoa ban, ...Chiến thắng lịch sử Điện biên phủ 7/5, ...)		
49	Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình....: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ...	Một số quy định ở lớp, gia đình (Đề đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường đi đường ven đồi, ven núi, ven suối....).	1,3,7	
50	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.	1,3,4	
51	Trẻ biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...).	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình	3,6,8	
52	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Quan tâm, giúp đỡ bạn.	1	
53	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt, hợp tác. - Phân biệt hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”	7	

54	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc	Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối, bảo vệ rừng...	5,6	
	Trẻ không bẻ cành, bứt hoa.			
55	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	Giữ gìn vệ sinh môi trường	2,4	
56	Trẻ không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện, nước	8	
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ				
57	Trẻ cảm nhận và thể hiện được cảm xúc: Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca) - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	1->9	
	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.			
	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.			
58	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ....	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	1,2,3, 4,6,7, 8	
59	Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc của dân tộc Thái, K'mú... - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo tiết tấu - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp - Bộ sưu tập thể giới sôi động 1 - Thinkin" Thịnh"	2,3,4, 5,6,7, 8	
	Trẻ có khả năng tiếp cận công nghệ số thông qua trò chơi trên phần mềm kidmast phát triển năng khiếu âm nhạc, trí tưởng tượng và trí sáng tạo			

60	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm	1,6,7,9	
61	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	Sử dụng các kỹ năng: Vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét	1->9	
62	Trẻ biết nặn, xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục		1,2,3,4,5,6,7	
63	Trẻ biết làm lồi, dẹt, bẹt, bẻ, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.		1,6,8	
64	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.		3,4	
65	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét	6,9	
66	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.	1,2,3,4,5,6,7	
	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.		
67	Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình	5,6,7,8,9	
68	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	Đặt tên cho sản phẩm của mình	9	

**DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ - MGN
NĂM HỌC 2025-2026**

Thời gian (tháng, từ ngày ..đến ngày...)	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ /hội	Điều chỉnh bổ sung
(3 tuần) Từ ngày 15/09 đến 03/10/2025	1	Trường mầm non – Tết Trung thu	Ổn định nề nếp	(Từ 03/9-12/9)	Thứ 3 Quốc Khánh ngày 2/9	
			Trường MN – Lớp học của bé	1 tuần (Từ 15/9-19/09)		
			Đồ 15ang đồ chơi của lớp	1 tuần Từ ngày 22-26/9)		
			Tết trung thu	1 tuần (Từ ngày 29/9- 03/10)		
(4 tuần) từ ngày 06/10 đến 31/10/2025	2	Bản thân	Bạn có biết tên tôi	1 tuần (06/10- 10/10)	Tết trung thu: Thứ 2 ngày 6/10	
			- Cơ thể diệu kỳ của bé	1 Tuần (13/10- 17/10)		
			Cảm xúc của bé	1 tuần (20/10- 24/10)	Ngày Phụ nữ VN 20/10	
			Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1 tuần (27/10- 31/10)		
(4 tuần) từ ngày 03/11 đến 28/11/2025	3	Gia đình – Ngày hội của cô giáo	- Những người 15ang yêu của bé	1 tuần (03/11- 07/11)		
			- Ngôi nhà bé yêu	1 tuần (Từ 10/11-14/11)		
			Ngày hội của cô giáo	1 tuần (17/11- 21/11)	20/11. Ngày nhà giáo Việt Nam	
			Đồ 15ang gia đình bé	1 tuần (24/11- 28/11)		

(4 tuần) từ ngày 01/12 đến 26/12	4	Các nghề phổ biến - Ngày 22/12	- Nghề sản xuất	1 tuần (01/12-05/12)		
			- Nghề xây dựng	1 tuần (08/12-12/12)		
			- Bé tập làm bác sỹ	1 tuần (15/12-19/12)		
			- Bé tập làm chú bộ đội	1 tuần (22/12-26/12)	Ngày TLQĐND VN 22/12	
(4 tuần) từ ngày 29/12/2025 đến 23/01/2026	5	Thế giới động vật	Một số con vật nuôi trong gia đình (gia cầm)	1 Tuần (29/12/2025-02/01/2026)	Nghỉ tết dương lịch thứ 5 ngày 1/1/2026	
			Một số con vật nuôi trong gia đình (gia súc)	1 Tuần (05/01-09/01/2026)		
			- Một số con vật sống trong rừng	1 Tuần (12/01-16/1/2026)	Tuần 18 kết thúc HK1 (16/1/2026)	
			- Một số con vật sống dưới nước	1 tuần từ (19/01-23/01/2026)		
(4 tuần) từ ngày 26/1 đến 27/02/2026	6	Thế giới thực vật - Tết Nguyên Đán	Cây xanh	1 Tuần Từ (26/1 - 30/01/2026)		
			Một số loại hoa, quả	1 Tuần từ (02/02-06/02/2026)		
			Tết và mùa xuân	1 Tuần (09/2 đến 13/2/2026)	.	
			Nghỉ tết nguyên đán	Từ (16/2-20/02/2026)	Nghỉ tết nguyên đán	
			Một số loại rau	1 tuần (23/02-27/02/2026)		

(4 tuần) từ ngày 02/03 đến 27/03/2026	7	Phương tiện và quy định giao thông.- Ngày hội mừng 8/3 – Lễ Hội hoa ban	Ngày hội 8/3	1 tuần (02/03-06/03/2026)	Ngày phụ nữ 8/3	
			LỄ HỘI HOA BAN	1 tuần (09/3-13/03/2026)	Lễ hội hoa ban	
			Một số PTGT đường bộ	1 tuần (16/3-20/3/2026)		
			Một số PTGT đường 17ang không	1 tuần (23/03-27/3/2026)		
(4 tuần) từ ngày 30/03 đến 01/05/2026	8	Nước và các hiện tượng tự nhiên	Nước thật đáng quý	1 tuần (30/03-03/4/2026)		
			Một số hiện tượng tự nhiên	1 tuần (06/4-10/4/2026)		
			Mùa hè kỳ diệu	1 tuần (13/4-17/4/2026)		
			Đất, cát. Đá, sỏi	1 tuần (20/04-24/04/2026)		
			Ôn tập	Tuần (27/04-01/05/2025) Thư 3, thứ 4 tổ chức ôn tập	- Thứ 2 Ngày 27/4 nghỉ giỗ tổ Hùng vương Thứ 5, thứ 6 Ngày 30/4 và 1/5 nghỉ lễ	
(4 tuần) từ ngày 04/05 đến 29/05/2026	9	Quê hương – Bác Hồ	Giải phóng Điện Biên (di tích lịch sử)	1 tuần (04/05-08/05/2026)	Kỷ niệm chiến thắng Lịch sử ĐBP (7/5)	
			Quê hương điện biên (danh Lam thắng cảnh Điện Biên)	1 tuần (11/05-15/5/2026)		

			Bác Hồ kính yêu	1 Tuần (18/5- 22/5/2026)		
			Thủ đô Hà Nội	1 Tuần (25/5- 29/5/2026)		
				35		

TM. BAN GIÁM HIỆU
(Kí duyệt)
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Nam Hồng